

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 -Khu B - Toà nhà Sông Đà - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	...	504.624.404.889	512.954.244.427
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	<i>14.046.699.924</i>	<i>15.250.454.672</i>
1. Tiền	111	V.01	14.046.699.924	15.250.454.672
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	V.02	10.277.200.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	10.277.200.000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...		
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	...	289.691.408.727	294.737.521.700
1. Phải thu khách hàng	131	...	264.615.965.725	260.825.146.781
2. Trả trước cho người bán	132	...	20.818.994.410	24.127.772.430
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	4.256.448.592	9.784.602.489
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...		
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	166.638.018.743	179.658.450.347
1. Hàng tồn kho	141	V.04	166.638.018.743	179.658.450.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	23.971.077.495	23.307.817.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	385.315.054	68.512.922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	6.708.210.227	8.555.722.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	16.877.552.214	14.683.582.551
B. Tài sản dài hạn	200	...	350.008.914.900	353.360.530.022
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	336.988.851.818	324.407.409.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	55.498.326.325	62.685.063.788
- Nguyên giá	222	...	136.602.450.161	136.611.456.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-81.104.123.836	-73.926.392.802
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.656.275.850	1.662.786.900
- Nguyên giá	228	...	2.175.809.000	2.175.809.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-519.533.150	-513.022.100
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	279.834.249.643	260.059.558.572
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.12		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	1.852.332.140	16.566.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	...		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.292.800.000	22.932.500.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...	-440.467.860	-6.366.000.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	11.167.730.942	12.386.620.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8.954.758.061	9.151.395.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	1.972.357.134	1.972.357.134
3. Tài sản dài hạn khác	268	...	240.615.747	1.262.868.547
Tổng cộng tài sản	250		854.633.319.789	866.314.774.449

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	...	699.719.071.116	728.333.298.583
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	...	<i>475.729.377.447</i>	<i>510.936.563.473</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	188.557.035.179	220.468.586.975
2. Phải trả người bán	312	...	87.987.616.613	98.185.249.248
3. Người mua trả tiền trước	313	...	31.042.088.266	37.134.111.947
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	42.763.099.502	31.554.426.232
5. Phải trả công nhân viên	315	...	26.338.180.879	45.497.729.049
6. Chi phí phải trả	316	V.17	34.891.214.216	29.422.267.533
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	45.949.359.484	35.345.673.164
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...	18.501.757.636	13.619.293.653
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	-300.974.328	-290.774.328
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>	...	<i>223.989.693.669</i>	<i>217.396.735.110</i>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	224.960.000	252.460.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	222.122.257.680	215.476.730.532
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...	1.642.475.989	1.667.544.578
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...		
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	121.756.518.414	115.925.402.528
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	...	<i>121.756.518.414</i>	<i>115.925.402.528</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...	-3.419.883.513	-3.419.883.513
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	28.134.070.881	28.134.070.881
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	3.032.736.270	3.032.736.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	12.082.417.549	6.251.301.663
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>	...		
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	V.28	33.157.730.259	22.056.073.338
Tổng cộng nguồn vốn	440		854.633.319.789	866.314.774.449

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản phải trả	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư hàng hoá nhận giữ hội, nhận gia công			
Hàng hoá nhận bán hội, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			
Hạn mức kinh phí			
Nguồn vốn khấu hao cơ bản			

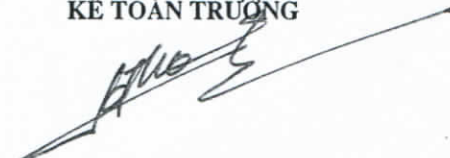
Hà nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Thị Hồi


Phạm Đức Trọng



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 - Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2012

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	84.488.074.651	116.395.909.563	154.494.348.876	135.522.088.462
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	2	...	2.012.077.327	1.106.044.440	2.760.109.039	1.106.044.440
+ Chiết khấu thương mại	4	...				
+ Giảm giá hàng bán	5	...	2.012.077.327	1.106.044.440	2.760.109.039	1.106.044.440
+ Hàng bán bị trả lại	6	...				
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	...	82.475.997.324	115.289.865.123	151.734.239.837	134.416.044.022
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	57.739.841.199	93.533.328.014	102.588.109.728	91.115.604.948
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	24.736.156.125	21.756.537.109	49.146.130.109	43.300.439.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	-3.198.281.210	-1.080.847.927	74.738.429	4.323.583.837
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	7.141.967.893	7.249.848.209	22.244.095.772	29.818.444.049
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	12.877.461.724	7.265.125.286	22.001.687.912	27.490.444.049
8. Chi phí bán hàng	24	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	8.376.989.192	12.786.107.449	16.470.697.496	16.610.235.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	6.018.917.830	639.733.524	10.506.075.270	1.195.343.307
11. Thu nhập khác	31	...	7.272.721	21.488.090	86.542.234	21.488.090
12. Chi phí khác	32	...	478.696.791	40.859.726	843.608.718	67.269.810
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-471.424.070	-19.371.636	-757.066.484	-45.781.720
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trọng Công ty liên kết	41	...				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50	...	5.547.493.760	620.361.888	9.749.008.786	1.149.561.587
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.614.790.870	511.012.667	2.816.235.979	886.216.521
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	...				-46.601.784
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	3.932.702.890	109.349.221	6.932.772.807	309.946.850
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70	...	589.905.433	759.328.585	1.101.656.921	1.081.177.542
20. Lợi ích của Công ty (60-70)	80	...	3.342.797.456	-649.979.364	5.831.115.886	-771.230.692
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	478	-93	833	-110

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B Toà nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(6 tháng đầu năm 2012 Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2012	Năm 2011
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	270.221.108.405	405.701.462.138
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-53.273.720.880	(100.068.921.023)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-48.161.979.019	(33.035.112.976)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-19.912.752.619	(28.108.748.666)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	-2.515.209.412
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	92.573.615.096	86.753.117.094
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-171.135.075.987	(271.178.673.790)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.311.194.996	57.547.913.365
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-1.200.000.000	(66.359.491)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	7.272.721	
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.044.328	349.489.165
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-1.125.682.951	283.129.674
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp vốn CSH	31	4.030.000.000	3.545.600.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	2.469.000.000
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.333.456.000	33.265.545.373

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm 2012	Năm 2011
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-97.772.722.793	(108.925.577.574)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-70.409.266.793	-69.645.432.201
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(1.223.754.748)	-11.814.389.162
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.250.454.672	45.954.037.492
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		14.026.699.924	34.139.648.330

Hà nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

LẬP BIỂU

Mai Thị Na

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Đức Trọng

Phạm Đức Trọng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B - Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan, bao gồm: Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình, Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	93%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	68%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số 14 lô 1C Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	2,5

7. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm.

Phần mềm thiết kế

Giá mua của phần mềm thiết kế mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm thiết kế là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm thiết kế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

• Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Hoàng Văn Thụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\begin{array}{c} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí SXKD phát} \\ \text{sinh trong kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Sản lượng dở dang} \\ \text{đầu kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Sản lượng thực hiện} \\ \text{trong kỳ từng CT,} \\ \text{HMCT} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{Doanh thu} \\ \text{được chủ} \\ \text{đầu tư chấp} \\ \text{nhận thanh} \\ \text{toán} \end{array}$$

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	11.702.766.999	4.511.332.728
Tiền gửi ngân hàng	2.343.932.925	10.739.121.944
Cộng	14.046.699.924	15.250.454.672

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000		
Cộng		10.277.200.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên	1.020.066.267	1.016.785.649
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV	90.957.099	120.618.643
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên	55.807.5070	42.415.000
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên	52.460.800	43.235.867
Tạm ứng tiền ăn đội thi công	294.991.896	262.940.850
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - mua cổ phiếu	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty CP Đầu tư và PT điện Tây Bắc		6.143.301.295
Phạm Xuân Hưởng	130.000.000	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3 - tiền thưởng	370.000.000	
Phải thu ông Hoàng Quang Huy		223.390.242
Nguyễn Doãn Hiệp	35.378.376	
Lê Tiến Dũng	10.000.000	
Nguyễn Anh Tú	14.000.000	
Công ty TNHH Phúc Hà	12.384.318	
Phải thu khác	938.401.329	699.914.943
Cộng	<u>4.256.448.592</u>	<u>9.784.602.489</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.732.346.695	6.649.088.468
Công cụ, dụng cụ	764.863.268	867.571.452
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	158.140.808.780	171.798.323.088
Thành phẩm		343.467.339
Cộng	<u>166.638.018.743</u>	<u>179.658.450.347</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	36.431.859	42.476.817
Thuê trụ sở	259.938.000	
Chi phí khác	88.945.195	26.036.105
Cộng	<u>385.315.054</u>	<u>68.512.922</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	15.411.924.305	13.750.807.760
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.465.627.909	932.774.791

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u><u>16.877.552.214</u></u>	<u><u>14.683.582.551</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.324.949.244	80.533.264.020	34.872.406.338	1.880.836.988	136.611.456.590
Tăng trong kỳ do mua sắm mới		163.188.014		10.101.000	173.289.014
Tăng trong năm do XDCB hoàn thành		182.295.443			0
Giảm do điều chuyển nội bộ					182.295.443
Số cuối năm	19.324.949.244 (80.514.156.591 (34.872.406.338 (1.890.937.988 (136.602.450.161

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	5.789.493.009	42.925.970.346	24.023.826.479	1.187.102.968	73.926.392.802
Tăng trong năm do khấu hao	1.506.313.578	4.039.287.348	1.690.566.561	123.858.990	7.360.026.477
Giảm trong năm		182.295.443			182.295.443
Số cuối năm	7.295.806.587 (46.782.962.251 (25.714.393.040 (1.310.961.958 (81.104.123.836

Giá trị còn lại

Số đầu năm	12.693.860.424 (39.410.525.043 (9.986.190.794 (594.487.527 (62.685.063.788
Số cuối năm	11.931.719.855 (34.928.654.590 (8.113.396.412 (524.555.468 (55.498.326.325

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại tương ứng là 29.322.400.556 VND và 15.933.776.264 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm thiết kế	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	13.022.100	513.022.100
Khấu hao trong năm			9.301.500 0	9.301.500
Giảm trong năm				
Số cuối năm	-	500.000.000	22.323.600	522.323.600
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000	-	42.786.900	1.662.786.900
Số cuối năm	1.620.000.000	-	36.275.850	1.653.485.400

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	38.500.000	149.686.635	120.100.000	2.741.180	65.345.455
XDCB dở dang	259.993.806.207	19.758.042.981			279.751.849.188
Công trình Thủy điện Nậm Ly	103.295.227.154	6.287.821.948			109.583.049.102
Công trình Thủy điện Bắc Giang	156.698.579.053	13.470.221.033			170.168.800.086
Sửa chữa TSCĐ	27.252.365	53.189.014	53.189.014	10.197.365	17.055.000
Cộng	260.059.558.572	19.960.918.630	173.289.014	12.938.545	279.834.249.643

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				10.362.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000		120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000		100.000	3.000.500.000
Đầu tư dài hạn khác				12.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện	700.000		700.000	7.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Sông Đà Hoàng Liên				
+ <i>Vốn của Công ty</i>	619.950		619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	80.050	1.142.800.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000		357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	200.000		200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	85.000		85.000	850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Cộng		2.292.800.000		22.932.500.000

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào	Số cuối kỳ
			chi phí SXKD trong kỳ	
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.583.052.319		116.512.022	8.466.540.297
Công cụ dụng cụ	249.333.711	7.863.636	208.865.512	48.331.835
Chi phí giải phóng mặt bằng mỏ đá Hoàng Văn Thụ				
Chi phí sửa văn phòng	278.032.233		61.784.940	216.247.293
Tiền thuê văn phòng	40.976.818	182.661.818		223.638.636
Cộng	9.151.395.081	190.525.454	387.162.474	8.954.758.061

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	1.972.357.134
Phát sinh trong kỳ	
Hoàn nhập trong kỳ	
Số cuối kỳ	1.972.357.134

14. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	154.034.228.546	156.767.142.312
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		<i>129.118.594.213</i>
<i>Chi nhánh Hòa Bình</i>	<i>129.991.114.911</i>	
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	<i>7.333.399.276</i>	<i>10.531.121.805</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>		<i>1.422.972.116</i>
<i>Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>		<i>13.783.714.359</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>13.783.714.359</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu</i>		<i>1.910.739.819</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>2.702.000.000</i>	
<i>Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Ba Đình</i>	<i>224.000.000</i>	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.522.806.633	49.238.325.227
Vay dài hạn đến hạn trả		14.463.119.436
Cộng	<u>188.557.035.179</u>	<u>220.468.586.975</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.752.450.270	7.832.611.293	100.000.000	29.485.061.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.373.906.295	2.816.235.979		11.190.142.274
Thuế thu nhập cá nhân	1.428.069.667	659.825.998		2.087.895.665
Các loại thuế khác		206.827.157	206.827.157	0
Cộng	<u>31.554.426.232</u>	<u>11.515.500.427</u>	<u>306.827.157</u>	<u>42.763.099.502</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006, 2007 và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.749.008.786	1.149.561.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản phạt thuế, lãi chậm nộp BHXH, các khoản chi phí hợp lệ).</i>	1.515.935.130	3.422.161.728
<i>Lỗ của các Công ty</i>	762.163.804	382.877.835
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	753.771.326	3.039.283.893
		<u>-595671138</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	11.264.943.916	3.976.052.177
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<i>2.816.235.979</i>	<i>994.013.044</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		<u>107.796.523</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.816.235.979	886.216.521

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	406.973.082	10.215.553.859
Phải trả các nhà thầu phụ về KLXL (*)	15.012.999.960	16.572.241.769
Phải trả các nhà thầu phụ khác	19.471.241.174	2.634.471.905
Cộng	34.891.214.216	29.422.267.533

(*) Các chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.773.460.458	2.423.761.866
Bảo hiểm xã hội	7.923.494.391	6.753.859.567

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế	2.578.953.850	537.625.349
Bảo hiểm thất nghiệp	9.326.415.512	378.361.775
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.524.122.307	10.751.317.127
Phải trả Tập đoàn Sông Đà	703.428.251	545.082.888
Quỹ tự nguyện Someco Sông Đà	11.133.817.127	204.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	2.064.694.830	208.948.127
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu	91.445.999	2.292.800.000
Phải trả cho các đội thi công	506.121.190	2.255.399.005
Công ty CP Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên tiền vay vốn thi công	2.292.800.000	1.044.328.231
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	300.000.000	300.000.000
Tiền lương Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	492.850.000	573.400.000
Tiền an ninh, bảo vệ	132.876.167	55.424.109
Tiền sử dụng đất	2.684.406.364	2.684.406.364
Tiền lãi vay		
Tiền phạt chậm nộp thuế	3.209.264.869	
Các khoản phải trả khác	8.908.163.018	4.558.274.257
Cộng	<u>45.949.359.484</u>	<u>35.345.673.164</u>

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	16.276.568.681	11.394.104.698
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	<u>18.501.757.636</u>	<u>13.619.293.653</u>

Bảo hành

Dự phòng cho bảo hành chủ yếu liên quan đến xây lắp công trình Thủy điện Nậm Chiến.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
-------------------	---	-----------------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	-737.466.662			-737.466.662
Quỹ phúc lợi	446.692.334		10.200.000	436.492.334
Cộng	-290.774.328			-300.974.328

21. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ dài hạn.

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hoà Bình	12.134.210.740	6.746.270.740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Đô		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đống Đa	2296337148	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Lạng Sơn	127.591.970.171	126.327.895.538
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Giang	74.844.864.621	76.344.864.621
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Ba Đình	328.000.000	328.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu Chi nhánh Hà Nội	2.390.000.000	2.390.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hà Nội	2.536.875.000	2.075.625.000
Cộng	222.122.257.680	215.476.730.532

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.667.544.578
Số trích lập bổ sung	1.591.359
Số đã chi	-26.659.948
Số cuối kỳ	1.642.475.989

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(3.419.883.513)	28.134.070.881	3.032.736.270	6.251.301.663	115.925.402.528
Lợi nhuận trong kỳ						5.831.115.886	5.831.115.886
Trích lập các quỹ trong kỳ							
Chi cổ tức trong kỳ							
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số							
Đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ							
Số dư cuối kỳ	70.000.000.000	11.927.177.227	(3.419.883.513)	28.134.070.881	3.032.736.270	12.082.417.549	121.756.518.414

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	<u>81.927.177.227</u>	<u>81.927.177.227</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	22.056.073.338
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.101.656.921
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong kỳ	10.000.000.000
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại Công ty con	
Số cuối kỳ	<u>33.157.730.259</u>

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

26. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	154.494.348.876	135.522.088.462
- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	-	
- Doanh thu bán thành phẩm		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		9.941.332.153
- Doanh thu hoạt động xây dựng	151.216.635.272	124.777.372.957

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hoạt động khác	3.277.713.604	803.383.352
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.760.109.039	1.106.044.440
- Giảm giá hàng bán	2.760.109.039	1.106.044.440
Doanh thu thuần	<u>151.734.239.837</u>	<u>134.416.044.022</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	-	
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		9.941.332.153
- Doanh thu hoạt động xây dựng	148.456.526.232	123.671.328.517
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	3.277.713.604	803.383.352
27. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã cung cấp	-	
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		9.758.406.117
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	101.504.753.591	81.044.047.669
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	1.083.356.137	313.151.162
Cộng	<u>102.588.109.728</u>	<u>91.115.604.948</u>
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	74.738.429	306.448.710
Lãi đầu tư cổ phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		252.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi tiền công trình chậm trả		3.765.135.127
Cộng	<u>74.738.429</u>	<u>4.323.583.837</u>
29. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.001.687.912	27.490.444.049
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	242.407.860	2.328.000.000
Lỗ bán ngoại tệ		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Phí kinh doanh chứng khoán		
Cộng	<u>22.244.095.772</u>	<u>29.818.444.049</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.045.490.856	9.168.646.649
Chi phí vật liệu quản lý	619.597.178	852.460.837
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.701.327	307.024.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	918.471.432	448.580.305
Thuế, phí và lệ phí	334.403.595	22.566.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.089.467.524	3.248.461.795
Chi phí bằng tiền khác	2.283.740.913	2.562.494.555
Phụ phí, KP sự nghiệp	2.038.824.672	
Cộng	<u>16.470.697.496</u>	<u>16.610.235.555</u>

31. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí hoa hồng vận chuyển	25.000.021	
Thu bán hồ sơ thầu	7.272.721	
Thanh lý tài sản	43.088.014	
Các khoản khác	5.754.812	21.488.090
Cộng	<u>86.542.234</u>	<u>21.448.090</u>

32. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	96.355.964	67.069.810
Thuế bị phạt, bị truy thu	742.134.254	200.000
Chi phí khác	5.118.500	
Cộng	<u>843.608.718</u>	<u>67.269.810</u>

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.831.115.886	(771.230.692)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.831.115.886	(771.230.692)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>833</u>	<u>(110)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.3 đến VII.5 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

4. Thông tin so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 – Khu B – Toà nhà Sông Đà – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

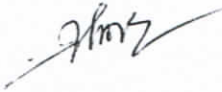
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2011 đơn vị lập.

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu



Lê Thị Hồi

Kế toán trưởng



Phạm Đức Trọng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn